

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30-10-2018
V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Ngọc Sương;
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích.

Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Loan – là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 811/2018/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2018 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82a/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Chúc L, sinh năm 1994; HKTT: xã P, huyện G, tỉnh Bạc Liêu. Có mặt.

Bị đơn: Ông Phan Văn P, sinh năm 1995; HKTT: Ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang; tạm trú: khu phố B, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/7/2018, bản tự khai ngày 06/8/2018, biên bản lấy lời khai ngày 06/8/2018, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Chúc L trình bày:

Bà Nguyễn Chúc L và ông Phan Văn P tìm hiểu nhau từ năm 2015, được sự đồng ý của gia đình hai bên, bà L và ông P tổ chức đám cưới và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 96/2015, quyền số 01/2015 ngày 11/9/2015.

Sau khi kết hôn, bà L và ông P chung sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà L và ông P bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau và có những lời nói không tôn trọng

nhau. Mặc dù bà L và ông P đã nhiều lần ngồi lại nói chuyện để hàn gắn tình cảm nhưng cả hai ông bà vẫn không tìm lại được tiếng nói chung. Khi mâu thuẫn vợ chồng bà L và ông P xảy ra thì cha mẹ của hai bên cũng hòa giải, khuyên bảo nhưng không thành, vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 02 năm 2018 đến nay, cả hai không còn quan tâm lẫn nhau. Bà L xác định mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng của bà L đối với ông P đã hết nên bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Phan Văn P.

Về con chung: Quá trình chung sống bà L và ông P không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Phan Văn P đã được Tòa án tổng đạt triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không chấp hành đúng pháp luật, không tham gia tố tụng đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

- Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tổng tụng cho bị đơn theo đúng quy định tại các Điều 175, 177, 179, 196, 208 và Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bị đơn ông Phan Văn P vẫn cố tình vắng mặt. Như vậy, việc bị đơn vắng mặt được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn nên quan hệ tranh chấp trong vụ án này là ly hôn theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện, biên bản xác minh ngày 20/8/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Thuận An thể hiện bị đơn ông Phan Văn P có sinh sống tại địa chỉ số khu phố B, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Chúc L và ông Phan Văn P chung sống với nhau từ năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 96/2015, quyển số 01/2015 ngày 11/9/2015 nên quan hệ hôn nhân của bà L và ông P là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, Tòa án không làm việc được với ông P. Bà L xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài. Do vậy, bà L kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông P.

Dựa trên cơ sở lời khai của bà L: Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và có những lời nói không tôn trọng nhau. Bà L và ông P đã nhiều lần ngồi lại nói chuyện để hàn gắn tình cảm nhưng cả hai người không tìm lại được tiếng nói chung. Cha mẹ của hai bên cũng đã hòa giải, khuyên bảo nhưng không thành. Bà L và ông P đã sống riêng từ tháng 02 năm 2018 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai.

Tại phiên tòa, bà L xác định không còn tình cảm với ông P.

Đối với bị đơn ông Phan Văn P, quá trình tố tụng đã không đến Tòa án tham gia tố tụng, không cung cấp ý kiến, điều đó thể hiện ông P không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng đối với bà L.

Xét quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng quan điểm trong quan hệ vợ chồng thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp của vợ chồng. Tuy nhiên, quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông P không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Do tình trạng hôn nhân của bà L và ông P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông P là có cơ sở chấp nhận.

[4.2] Về con chung: Quá trình chung sống bà L và ông P không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Chúc L.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ

- Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Chúc L đối với bị đơn ông Phan Văn P về việc “Ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Chúc L được ly hôn với ông Phan Văn P.

- Về con chung: Bà L và ông P không có con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Chúc L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0023914 ngày 27/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã T, tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã T, tỉnh Bình Dương;
- UBND xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Ánh